TÒA ÁN NHÂN DÂN TP V **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2018/HS-ST
Ngày 02-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Nga**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Tám**

Ông **Nguyễn Anh Đắc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đậu Thị Hiền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Văn Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 226/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng H (tên gọi khác: **Bờm**), sinh ngày 19-01-1996 tại tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm B, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An; nơi ở: tỉnh Bình Dương (không nhớ rõ địa chỉ); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 19-5-2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng vì có hành vi: Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong quyết định ngày 01-4-2011;

- Bản án số 34/2013/HSST ngày 30-01- 2013 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bản án số 16/2014/HSST ngày 23/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xử phạt 10 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt với bản án số 34/2013/HSST ngày 30-01- 2013 của Tòa án nhân dân thành phố V, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 12 tháng 20 ngày tù;

- Bản án số 109/2014/HSST ngày 28-4-2014 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

(Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và nghĩa vụ nộp án phí của các bản án trên vào ngày 27-4-2015).

Bị cáo bị bắt ngày 28-7-2018, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an TP V (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Ngọc Anh K, sinh năm 1998; nơi cư trú: 63 đường L, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Lữ Sĩ T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 2360, tổ M, khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt);

2. Chị Trần Thị T, sinh năm 1979, nơi cư trú: 524/22 đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21-6-2017, Nguyễn Trọng H điều khiển xe mô tô Attila biển kiểm soát: 72F1 – 192.18 của chị Nguyễn Ngọc Anh K chở chị K đến quán lẩu cá đuối trên đường T, phường B, thành phố V để ăn uống. Trong lúc ngồi ăn, H hỏi mượn xe mô tô của chị K để đi công việc được chị K đồng ý. Sau đó H quay lại chở chị K đi học rồi tiếp tục mượn xe của chị K để sử dụng làm phương tiện đi xin việc làm nhưng không xin được. Khi H quay về phòng trọ tại hẻm 176 đường T thì H bị chủ nợ đòi tiền nên nảy sinh ý định lấy xe mô tô của chị K đem cầm cố để lấy tiền trả nợ. H đến tiệm cầm đồ Phú Hải ở địa chỉ 524/24 đường B, phường R, thành phố V cầm cố chiếc xe mô tô biển số 72F1 – 192.18 cho chị Trần Thị T lấy số tiền 9.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết rồi bỏ trốn. Đến ngày 27-8-2018, H bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại Cơ quan CSĐT Công an TP V, Nguyễn Trọng H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên (Bút lục điều tra từ số 69 đến số 76).

Theo Biên bản xác định giá trị tài sản số 239/BB-PTCKH ngày 24-11-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố V thì giá trị 01 xe mô tô biển số 72F1-192.18 là 10.500.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 72F1-192.18 nêu trên khi hết thời hạn cầm cố H không đến chuộc lại xe, chị T đã bán cho anh Lữ Sĩ T. Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe mô tô 72F1-192.18 trả lại cho chị Nguyễn Ngọc Anh K. Chị K đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Đối với chị Trần Thị T đã cầm cố xe mô tô của H; anh Lữ Sĩ T đã mua xe mô tô trên không biết chiếc xe này là do H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự mà đưa vào diện người có quyền lợi liên quan của vụ án.

Tại bản cáo trạng số 213/CT-VKS ngày 05-10-2018, Viện Kiểm sát nhân dân TP V đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Trọng H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 9.500.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trọng H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình . Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Do có mối quen biết từ trước với chị Nguyễn Ngọc Anh K nên ngày 21-6-2017, tại khu vực quán lẩu cá đuối trên đường T, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Nguyễn Trọng H đã hỏi mượn chị K 01 xe mô tô biển số 72F1 - 192.18 trị giá 10.500.000 đồng sau đó H đã đem xe của chị K đi cầm cố lấy số tiền 9.500.000 đồng tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn. Hành vi bị cáo Nguyễn Trọng H đã thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo có nhận thức xã hội, dù biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật

nhưng vẫn thực hiện, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu: đã 02 lần bị kết án về hành vi "Trộm cắp tài sản", 01 lần bị kết án về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 01 lần bị xử phạt đưa vào cơ sở giáo dưỡng về hành vi "Trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó là bài học để tu sửa bản thân mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, cơ quan điều tra phải ra Quyết định truy nã và bị cáo đã bị bắt theo lệnh truy nã. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung về tội phạm xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không thuộc các trường hợp là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, chị Nguyễn Ngọc Anh K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Lữ Sĩ T không yêu cầu bị cáo bồi thường, chị Trần Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường 9.500.000 đồng. Bị cáo tự nguyện bồi thường cho chị T số tiền trên. Vì vậy, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Trọng H** (tên gọi khác: **Bờm**) phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự 2015:

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Trọng H** (tên gọi khác: **Bờm**) **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 7 năm 2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Thị T 9.500.000 đ (chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm : Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo phải nộp 475.000 đ (Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Nga